

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA (CHƯA QUYẾT TOÁN) DO UBND CẤP HUYỆN CŨ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, DỰ KIẾN TRÌNH UBND TỈNH PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ (KỂ CẢ ĐIỀU CHỈNH) CHO UBND XÃ, PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025)

DVT: triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày)	Tổng mức vốn đầu tư			QĐ phê duyệt dự án đầu tư (số, ngày)	Tổng mức vốn đầu tư			Nhu cầu vốn ngân sách năm 2026 để hoàn thành dự án đối với các dự án mục II, III	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
				Vốn do UBND tỉnh + UBND huyện cũ hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp			Vốn do UBND tỉnh + UBND huyện cũ hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	4.1	4.2	5	6	6.1	6.2	7	8
	TỔNG CỘNG		105,250.8	30,295.2	5,503.4		125,249.2	102,327.3	20,893.8	22,480.0	0
I	Các dự án đã thi công hoàn thành nhưng chưa quyết toán		65,783.4	13,041.5	3,136.7		104,549.2	84,896.8	17,624.3	-	0
1	Đường đôi đông nhánh 1 ấp lê lợi	Số 9179/QĐ-UBND NGÀY 20/09/2021	7,128.0			1856/QĐ-UBND ngày 16/06/2023	7,114.0	6,489.0	625.0	-	
2	Đường đôi đông nhánh 2 ấp lê lợi	Số 9181/QĐ-UBND NGÀY 02/12/2021	4,162.0			1858/QĐ-UBND ngày 16/06/2023	3,504.7	2,933.7	571.0	-	
3	Đường nội đồng tổ 15 ấp 9/4	Số 53/QĐ-UBND NGÀY 08/01/2021	8,105.0			776/QĐ-UBND ngày 24/03/2023	6,301.0	5,768.0	533.0	-	
4	Đường nội đồng liên tổ 7 ấp 9/4	Số 3139/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	4,227.0			4166/QĐ-UBND ngày 06/07/2023	3,541.0	2,982.0	559.0	-	
5	Đường nội đồng cánh đồng cây khô ấp 3	Số 3271/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	7,098.0			346/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	6,343.0	5,259.0	1,084.0	-	
6	Nâng cấp, cải tạo đường và xây dựng hệ thống mương thoát nước đường vào Cầu số 3 ấp 2	Số 617/QĐ-UBND ngày 4/3/2023	2,938.0			3335/QĐ-UBND ngày 16/08/2024	2,938.1	2,436.1	502.0	-	
7	Tuyến điện hạ thế khu cánh đồng đôi chuối ấp Lê Lợi – Nhánh 2	Số 3945/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	819.0			1535/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	670.0	398.5	271.5	-	
8	Đường tuyến tổ 8 Bàu Ao	Số 1088/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	1,906.0			5661/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1,647.0	1,402.0	245.0	-	
9	Đường Thành chắc nhánh 1	5760/QĐ-UBND ngày 14/11/2019	1,257.0			773/QĐ-UBND(ngày 24/03/2023)	934.1	784.1	150.0	-	
10	Đường vào Đồi đông nổi dài	3270/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	4,346.0			1284/QĐ-UBND(ngày 16/4/2024)	4,089.3	3,455.3	634.0	-	
11	Đường cánh đồng 78C nổi dài	3678/QĐ-UBND ngày 18/10/2016				4108/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1,770.7	1,344.2	426.5		

12	Đường Hưng nghĩa- Hưng Nhơn	Số 524/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	7,232.4	5,477.7	1,754.7	Số 1573/QĐ-UBND ngày 9/5/2017	2,648.0	1,589.0	1,059.0		
13	Đường khu 4 nối dài					Số 5586/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	598.0	503.0	95.0		
14	Đường khu 4 nhánh 1					Số 4981/QĐ-UBND ngày 9/9/2014	1,169.0	993.0	176.0		
15	Đường khu chăn nuôi Lê Lợi - Bàu Hàm	3172/QĐ-UBND ngày 23/9/2016				4017/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2,040.4	1,550.4	490.0		
16	Đường nội đồng ấp 2 ấp 5	3961/QĐ-UBND ngày 31/10/2018				3968/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4,201.0	3,558.0	643.0		
17	Đường liên tổ 13 ấp Trần Hưng Đạo	322/QĐ-UBND ngày 27/01/2015	2,862.2			4611/QĐ-UBND	1,866	1,563	303		
18	Đường Năm Sang	5326/QĐ- UBND ngày 23/10/2019	3,438	2,902.0	582.0	5563/QĐ- UBND ngày 30/12/2022	3,484.0	2,902.0	582.0		
20	Đường nội đồng báng đồng ấp Trần Hưng Đạo		5,461.8	4,661.8	800.0	4130/QĐ-UBND	5,429.0	4,557.0	872.0		
21	Đường nhánh 1 tổ 3 lộ 25	Số 3680/QĐ-UBND ngày 18/10/2016				Số 4023/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1,580.0				
22	Đường bên hông nhà Ba Trọng	1513/QĐ-UBND ngày 24/4/2013				2862/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	2,860.8	2,400.9	459.9		
23	Đường ông Út Dễ					Số 6888/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	1,621.0	1,334.0	287.0		
24	Đường tổ 1 ấp lộ 25	Số 3679/QĐ-UBND ngày 18/10/2016				Số 205/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	448.0				
25	Đường tổ 10, 11 ấp 4	2635/QĐ-UBND ngày 28/7/2017				1584/QĐ-UBND	546.0	461.0	85.0		
26	Đường tổ 10, 11 ấp 1	2633/QĐ-UBND ngày 28/7/2017				99/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	499.0	420.0	79.0		
27	Đường tổ 15 ấp Trần Hưng Đạo	1938/QĐ-UBND ngày 10/6/2013				3130/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	3,206.1	2,688.0	518.0		
28	Đường tổ 2,4 ấp 1	2634/QĐ-UBND ngày 28/7/2017				2999/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	2,157.0	1,829.0	328.0		
30	Đường tổ 5-6 nối dài					QĐ 5561/QĐ-UBND	668.0	550.0	118.0		
31	Đường tổ 9, 10 ấp 1	2632/QĐ-UBND ngày 28/07/2017				4139/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1,118.4	866.4	252.1		
32	Đường vào cánh đồng mẫu lớn cây Điều	3172/QĐ-UBND ngày 23/9/2016				4016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	5,200.0	3,927.4	1,272.6		
33	Đường vào rẫy ông năm Hoàng	Số 3681 /QĐ-UBND ngày 18/10/2016				Số 4038/QĐ -UBND ngày 31/10/2016	4,989.0	4,152.0	837.0		
34	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Lập Thành					Số 4100/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	3,095.0	2,435.0	660.0		
35	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Phan Bội Châu					Số 1884/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	4,117.0	3,419.0	698.0		
36	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Trần Cao Vân (phía Bắc QL 1A)					Số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	2,999.0	2,495.0	504.0		

37	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Trần Cao Vân (phía Nam QL 1A)	Số 3032/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	4,803.0			Số 292/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	3,629.0	3,017.0	612.0		
38	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Trần Hưng Đạo (phía Bắc QL 1A)					Số 4098/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	2,342.0	1,950.0	392.0		
39	Hệ thống điện chiếu sáng khu phố Trần Hưng Đạo (phía Nam QL 1A)					Số 4099/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	2,393.0	1,993.0	400.0		
40	Tuyến điện hạ thế vào khu cánh đồng cây Khô	3833/QĐ-UBND ngày 23/10/2018				3957/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	792.6	491.9	300.7		
II	Các dự án đang thực hiện		19,089.0	-	-		20,700.0	17,430.5	3,269.5	4,972.5	0
1	Đường tổ 8 ấp 1	Số 3237/QĐ-UBND ngày 12/8/204	4,451.0			4175/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	3,409.0	2,887.0	522.0	94	
2	Đường nội đồng nhánh 1,2 tổ 18 ấp Lê Lợi	Số 2091/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	3,404.0			5687/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	2,888.0	2,651.0	237.0	380	
3	Nâng cấp, cải tạo đường xung quanh Chợ Tân Lập	Số 476/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	1,748.0			5672/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1,674.0	1,413.0	261.0	206	
4	Đường điện hạ thế khu đồi đỏ	Số 4066/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1,816.0			1606/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	1,450.0	866.5	583.5	213	
5	Tuyến điện hạ thế khu cầu Máng ấp Ngô Quyền	Số 4042/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	729.0			1607/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	494.0	295.0	199.0	72	
6	Tuyến điện hạ thế khu vực cây vú sữa, ấp Nguyễn Thái Học	Số 4044/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	639.0			1605/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	529.0	317.5	211.5	293	
7	Tuyến điện hạ thế khu Lê Lợi – Bàu Hàm nói dài	Số 4048/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	553.0			1608/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	465.0	277.5	187.5	68	
8	Đường ven lô 203-205 ấp Nguyễn Thái Học	Số 9180/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	5,749.0			1012/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	9,791.0	8,723.0	1,068.0	3,647	
III	Các dự án chưa thực hiện nhưng đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc duyệt dự án đầu tư) trước ngày 01/7/2025		20,378.5	17,253.7	2,366.7		-	-	-	17,507.5	0
1	Đường nội đồng tổ 28 ấp 2	2964/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	7,159.0	6,025.0	1,134.0					6,025.0	đã duyệt dự án nhưng chưa thu đủ số dân góp nên chưa thi công
2	Nâng cấp đường tổ 15 ấp Ngô Quyền	2963/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	4,874.0	4,432.0	442.0					4,432.0	đã duyệt dự án nhưng chưa thu đủ số dân góp nên chưa thi công
3	Đường tổ 16 ấp Ngô Quyền xã Bàu Hàm 2	1917/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1,501.0	1,116.0	111.0					1,116.0	đã duyệt chủ trương đầu tư; chưa phê duyệt quyết định đầu tư

[illegible]